

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 23/6/2023

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Thiện và bà Hoàng Thị Trang

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà H P Niê, sinh năm 1972.

* **Bị đơn:** Ông Y Y Byă, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(*Các đương sự đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà H P Niê trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H P Niê và ông Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến ngày 05/12/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin. Trong thời gian chung sống Bà P Niê và ông Y phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Y không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, nhiều lần dùng dao đuổi chém vợ con nhưng được hàng xóm can ngăn và chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông Y vẫn không thay đổi mà ngày càng đánh đập bà P nhiều hơn. Bà H P nhận thấy không còn tình cảm với ông Y, không thể tiếp tục duy trì đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà P và ông Y có 07 con chung. Các con chung đều đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Y thừa nhận quá trình tìm hiểu, chung sống với nhau, đăng ký kết hôn và con chung như bà P trình bày là đúng. Ông Y cũng thừa nhận ông có uống rượu và chửi bới, đánh đập vợ con. Tuy nhiên ông thấy ông vẫn còn tình cảm với bà P và xin nhận lỗi với gia đình, vợ con, thời gian tới ông cam đoan sẽ thay đổi vì vậy ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không đồng ý việc ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá lập luận Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung: Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Y có địa chỉ nơi cư trú tại Buôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến ngày 05/12/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Bôk, huyện Cư Kuin; việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Y trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, bà P và ông Y thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông Y không chăm lo cho cuộc sống gia đình, hay chửi bới đánh đập vợ con, chính quyền địa phương đã can thiệp và hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Do đó bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cho bà P được ly hôn với ông Y.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống bà P và ông Y có 07 con chung. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 220, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H P Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H P Niê được ly hôn với ông Y Y Byă.

2. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà H P Niê phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà H P đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0017545 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea Bhôk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Ngọc Diệp
(Đã ký)**